

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DỰ THẢO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
MÔN TIẾNG KHMER

Hà Nội, 2020

MỤC LỤC

Trang

Contents

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC	3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	4
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	4
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	5
V. NỘI DUNG TỔNG QUÁT	11
VI. NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU CỤ THỂ (THEO CẤP ĐỘ)	12
VII. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC.....	36
VIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	40
IX. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	42
X. DANH MỤC VĂN BẢN (NGŨ LIỆU) GỢI Ý LỰA CHỌN Ở CÁC LỚP	44
XI. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	45

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

1. Môn Tiếng Khmer thuộc nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học

Chương trình giáo dục phổ thông thực hiện mục tiêu giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh thông qua các nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục toán học, giáo dục khoa học xã hội, giáo dục khoa học tự nhiên, giáo dục công nghệ, giáo dục tin học, giáo dục công dân, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp. Mỗi nội dung giáo dục đều được thể hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có một số môn học và hoạt động giáo dục đảm nhiệm vai trò cốt lõi. Giáo dục ngôn ngữ và văn học được thực hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó ngữ văn, ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số có vai trò chủ đạo. Giáo dục văn học được thực hiện chủ yếu ở môn ngữ văn. Như vậy Tiếng Khmer thuộc nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học, đảm nhiệm vai trò chủ đạo trong giáo dục ngôn ngữ.

2. Môn tiếng Khmer là môn học tự chọn

Hệ thống môn học và hoạt động giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (gọi tắt là các môn học lựa chọn) và các môn học tự chọn. Môn học tự chọn là môn học không bắt buộc, được học sinh chọn theo nguyện vọng. Các môn học tự chọn bao gồm tiếng dân tộc thiểu số và ngoại ngữ. Tiếng Khmer là môn học cụ thể trong môn Tiếng dân tộc thiểu số, thuộc môn học tự chọn trong hệ thống môn học và hoạt động giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông.

3. Môn tiếng Khmer đồng dạng với môn ngữ văn được phân chia theo hai giai đoạn: Giai đoạn giáo dục cơ bản gồm có hai cấp độ (Cấp độ A1 và A2); giai đoạn giáo dục hướng nghiệp (Cấp độ B).

- Giai đoạn giáo dục cơ bản: Môn Tiếng Khmer giúp học sinh sử dụng tiếng Khmer thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và học tập tốt các môn học và hoạt động giáo dục khác, hình thành và phát triển năng lực văn học, đồng thời bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm để học sinh phát triển về tâm hồn và nhân cách. Đặc biệt bồi dưỡng cho học sinh tình yêu với tiếng mẹ đẻ, ý thức giữ gìn và phát triển tiếng mẹ đẻ, sử dụng tiếng mẹ đẻ trong gia đình và cộng đồng, trách nhiệm đối với sự phát triển ngôn ngữ dân tộc và giáo dục song ngữ ở địa phương.

- Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: môn Tiếng Khmer củng cố các mạch nội dung của giai đoạn giáo dục cơ bản, giúp học sinh nâng cao năng lực sử dụng tiếng mẹ đẻ và năng lực văn học, nhất là tiếp nhận văn bản văn học truyền thống của địa phương; tăng cường kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận, văn bản thông tin có độ phức tạp hơn về nội

dung nhằm mục tiêu để tiếng Khmer trở thành một phương tiện giao tiếp hữu hiệu trong cộng đồng người bản ngữ và được sử dụng làm công cụ lưu giữ và truyền bá những giá trị văn hóa tinh thần dân tộc Khmer.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình môn tiếng Khmer tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, định hướng theo chương trình môn Ngữ văn.

2. Chương trình được xây dựng dựa trên các cơ sở lí luận và kết quả nghiên cứu mới nhất về khoa học giáo dục, khoa học tâm lí, khoa học ngôn ngữ và phương pháp dạy học tiếng mẹ đẻ, thành tựu nghiên cứu và dạy học văn hóa, chữ viết Khmer.

3. Chương trình được biên soạn theo định hướng giao tiếp, đảm bảo việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh thông qua các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Kiến thức ngôn ngữ cốt lõi của tiếng Khmer như ngữ âm, chính tả, từ vựng, ngữ pháp và kiến thức văn học, văn hóa mang đặc trưng cho văn hóa Khmer là phương tiện để hình thành và phát triển các kĩ năng giao tiếp.

4. Chương trình được xây dựng theo hướng mở, đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo trong dạy học, nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp với điều kiện dạy học của từng địa phương.

5. Chương trình được xây dựng đáp ứng yêu cầu đổi mới đồng thời kế thừa và phát huy những ưu điểm của chương trình tiếng Khmer hiện hành và chương trình các tiếng dân tộc thiểu số khác đã có.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát

a) Hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính, bồi dưỡng tình yêu tiếng nói, chữ viết mẹ đẻ và ý thức bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc Khmer.

b) Góp phần giúp học sinh hình thành và phát triển kĩ năng sử dụng tiếng Khmer. Rèn luyện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, mở rộng hiểu biết về văn hóa của người Khmer Nam Bộ, bồi dưỡng tinh thần đoàn kết dân tộc và ý thức công dân Việt Nam; góp phần bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa của người Khmer Nam Bộ.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cấp độ A1

a) Giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: Yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có ý thức đối với cội nguồn; yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động; thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường xung quanh.

b) Giúp học sinh bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và với mức độ căn bản: Đọc đúng, trôi chảy văn bản đơn giản; hiểu được nội dung; viết đúng chính tả, ngữ pháp, viết được một số từ ngữ, câu ngắn đơn giản.

2.2. Mục tiêu cấp độ A2

a) Giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất tốt đẹp đã được hình thành ở cấp độ A1; nâng cao và mở rộng yêu cầu phát triển về phẩm chất với các biểu hiện cụ thể như: Biết tự hào về tiếng nói, chữ viết và văn học dân tộc; có tinh thần học tập, có ý thức công dân, tôn trọng pháp luật.

b) Tiếp tục phát triển các năng lực chung, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học đã hình thành ở cấp độ A1 với các yêu cầu cần đạt cao hơn; đọc hiểu được nội dung các câu, đoạn, bài được học, các loại văn bản thông dụng; viết được đoạn và bài văn kể chuyện, miêu tả, thuyết minh; nói dễ hiểu, mạch lạc; có thái độ tự tin, phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp.

2.3. Mục tiêu cấp độ B

a) Giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất đã được hình thành ở cấp độ A2; mở rộng và nâng cao yêu cầu phát triển phẩm chất với các biểu hiện cụ thể: Tự hào về tiếng nói, chữ viết Khmer và bản sắc văn hóa dân tộc Khmer; có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị ngôn ngữ, văn hoá dân tộc.

b) Tiếp tục phát triển các năng lực đã hình thành ở cấp độ A2, với các yêu cầu cần đạt cao hơn: Đọc hiểu được nội dung của các loại văn bản với mức độ khó hơn thể hiện qua dung lượng và nội dung, yêu cầu đọc; hiểu được những thông tin cơ bản, chủ đề và ý nghĩa của văn bản. Viết được đoạn văn, bài văn theo chủ đề, chủ điểm, viết được văn bản thuyết minh. Nói và nghe linh hoạt; nói dễ hiểu, tự tin, phù hợp với đề tài và ngữ cảnh giao tiếp; có khả năng nghe hiểu, đánh giá được nội dung, hình thức biểu đạt của bài thuyết trình.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung

Môn tiếng Khmer góp phần hình thành, phát triển ở học sinh những phẩm chất chủ yếu như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và các năng lực chung như tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo theo cấp độ phù hợp với đặc trưng của môn học.

Sau khi hoàn thành chương trình, học sinh cần phải đạt được các yêu cầu liên quan đến các lĩnh vực sau:

- Kỹ năng ngôn ngữ
- Kiến thức ngôn ngữ
- Năng lực giao tiếp
- Phương pháp học ngôn ngữ

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

2.1. Yêu cầu cần đạt về kỹ năng Tiếng Khmer

- Nghe hiểu

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	Trình độ A2	Trình độ B
-Nghe hiểu với thái độ phù hợp và nắm được nội dung cơ bản; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe.	-Nghe và phân biệt sự khác nhau giữa các âm, tiếng, từ; nghe và nhận biết từ có giọng O, giọng Ô; -Nghe hiểu câu hỏi, lời yêu cầu, lời hướng dẫn, lời kể của người đối thoại; ý kiến trao đổi trong buổi học, trong sinh hoạt lớp. -Nghe hiểu câu chuyện đơn giản của thầy cô kể, những tin tức ngắn trên đài phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer; nghe và phân biệt âm, tiếng trong viết chính tả.	- Nghe và nhận ra thái độ, tình cảm của người nói qua lời lẽ, ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt. - Nghe - hiểu các tin tức hoặc văn bản phổ biến kiến thức khoa học thường thức có nội dung phù hợp với trình độ nhận thức của lứa tuổi; nhắc lại được các sự việc chính được nghe.

- **Nói** (hội thoại)

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	Trình độ A2	Trình độ B
-Phát âm, tiếng, từ; nói to, rõ ràng, thành câu; nói lời chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi; trả lời câu hỏi đơn giản. -Nói lời mời, nhờ, đề nghị, đồng ý, không đồng ý,... và trả lời các câu hỏi đối thoại, trả lời câu hỏi đơn giản về nội dung của bài đọc hoặc mẫu chuyện được nghe thầy cô kể; thuật lại sự việc theo câu hỏi và tranh minh họa; kể lại câu chuyện đã học hoặc đã nghe thầy cô kể. -Nói lời phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi trong học tập, giao tiếp; thuật lại nội dung chính của các mẫu tin ngắn; kể lại từng đoạn của câu chuyện đã nghe, đã đọc. Bước đầu nhận xét về nhân vật, hình ảnh, chi tiết trong câu chuyện; giới thiệu hoạt động của tổ, của lớp.	-Trình bày dễ hiểu các ý tưởng và cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ điệu bộ thích hợp khi nói. -Kể lại được một cách mạch lạc câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết chia sẻ, trao đổi những cảm xúc, thái độ, suy nghĩ của mình đối với những vấn đề được nói đến. -Biết thuật lại các sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia.	- Biết thuật lại sự việc, kể chuyện ngắn gọn, rõ ý, mạch lạc. - Biết trình bày trước nhóm, trước lớp về một vấn đề phù hợp với lứa tuổi; thể hiện rõ nội dung trong bài nói. Biết nói theo chủ đề yêu cầu (văn thuyết minh, nghị luận), thể hiện được cách suy nghĩ của bản thân. - Biết cách lôi cuốn, thuyết phục người nghe và bảo vệ ý kiến của mình. Có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp.

- Đọc hiểu

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	Trình độ A2	Trình độ B
-Đánh vần và ráp vần, đọc rõ tiếng, dấu âm, các nguyên âm không độc lập và nguyên âm độc lập, đọc trơn từ, câu, chữ kiểu, đoạn văn, bài văn ngắn, biết đọc ngắt nghỉ hơi theo dấu câu, đọc hiểu nghĩa của từ ngữ. -Bước đầu đọc được cơ bản các văn bản; hiểu được nội dung chính của văn bản; đọc thầm, đọc số tự nhiên; đọc thuộc lòng một số khổ thơ, bài thơ, đoạn văn ngắn. Yêu cầu về đọc gồm yêu cầu về kĩ thuật đọc và kĩ năng đọc hiểu. Đối với học sinh các lớp đầu cấp độ A1, chú trọng cả yêu cầu đọc đúng với tốc độ phù hợp và đọc hiểu nội dung đơn giản của văn bản. Đối với học sinh ở cuối cấp độ A1, chú trọng nhiều hơn đến yêu cầu đọc hiểu nội dung cụ thể, hiểu chủ đề, hiểu bài học rút ra được từ văn bản. - Đọc hiểu nghĩa của từ ngữ, câu, chuỗi câu trong bài đọc.	-Đọc hiểu nội dung chính, ý nghĩa của từng đoạn trong bài, nội dung của bài đọc. -Đọc và giải nghĩa được một số từ đồng nghĩa, trái nghĩa. -Đọc và nhận biết được ý chính của từng đoạn trong văn bản. Đọc trôi chảy các bài văn, bài thơ dài khoảng 60 chữ. Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn cấp độ A1. -Nhận biết cách bày tỏ tình cảm, thái độ, mong muốn của người viết thể hiện qua văn bản. -Biết vận dụng kiến thức tiếng Khmer để đọc theo các văn bản nghệ thuật, văn bản khoa học thường thức, văn bản thông tin. -Bước đầu biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật của văn bản; biết so sánh văn bản này với văn bản khác, liên hệ với thực tế cuộc sống.	-Đọc thành thạo các loại văn bản nghệ thuật, thời sự, khoa học thường thức, báo chí, hành chính, pháp luật, thơ ca Khmer... có độ dài khoảng 150 chữ. - Biết đọc thầm với tốc độ nhanh hơn cấp độ A2. -Nhận biết cách bày tỏ tình cảm, thái độ, mong muốn của người viết thể hiện qua văn bản. -Sử dụng và tra cứu được từ điển song ngữ Việt - Khmer, Khmer - Việt và từ điển tiếng Khmer thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ.

- Đọc thuộc một số câu, chuỗi câu, đoạn văn, khổ thơ, bài thơ ngắn đã học.		
--	--	--

- Viết

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	Trình độ A2	Trình độ B
-Viết được phụ âm, nguyên âm không độc lập và nguyên âm độc lập, dấu âm, chữ kiểu, số tự nhiên, chính tả, từ vựng, ngữ pháp; -Viết được một số câu, đoạn văn ngắn; viết được bài văn ngắn, chủ yếu là bài văn kể, miêu tả và bài giới thiệu đơn giản; -Viết được giấy mời, thời gian biểu, đơn từ,...	-Viết được bài văn kể, miêu tả, đúng theo quy trình (mở bài, thân bài, kết luận). -Viết văn bản yêu cầu kể lại những câu chuyện đã đọc; những điều đã chứng kiến, tham gia; kết hợp các yếu tố miêu tả; nội dung tả cảnh sinh hoạt, thiên nhiên và con người.	-Biết phân tích, đánh giá nội dung của các văn bản, tìm tòi sáng tạo về ngôn ngữ, cách viết theo kiểu văn bản. -Biết lập dàn ý văn bản thuyết minh;biết phân tích, so sánh văn bản văn học, câu tục ngữ; biết phát hiện và sửa lỗi trong bài viết. -Bước đầu biết viết kiểu văn bản thuyết minh gắn với đời sống và định hướng nghề nghiệp; dịch được văn bản ngắn từ tiếng Việt sang tiếng Khmer và ngược lại.

2.2. Yêu cầu cần đạt về kiến thức Tiếng Khmer

2.2.1. Tiếng Khmer

a) Các mạch kiến thức tiếng Khmer

- Ngữ âm và chữ viết: Âm, chữ, quy tắc chính tả.
- Từ vựng: mở rộng vốn từ, nghĩa của từ ngữ và cách dùng, cấu tạo từ, quan hệ nghĩa giữa các từ ngữ.

- Ngữ pháp: dấu âm, dấu câu, từ loại, cấu trúc câu, các kiểu câu và cách dùng.
- Hoạt động giao tiếp: Biện pháp tu từ, đoạn văn, văn bản và các kiểu văn bản, một số vấn đề về phong cách ngôn ngữ.

- Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: Từ vay mượn, nghĩa của từ ngữ, chữ viết tiếng Khmer.

b) Phân bổ các mạch kiến thức tiếng Khmer ở cấp độ A và B

- Cấp độ A1: Một số hiểu biết sơ giản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp; có khả năng nhận biết, bước đầu hiểu được các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp.

- Cấp độ A2: Những hiểu biết cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, sự phát triển ngôn ngữ, giúp học sinh có khả năng hiểu các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp.

- Cấp độ B: Một số hiểu biết nâng cao về tiếng Khmer giúp học sinh hiểu, phân tích và bước đầu biết đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan, chú trọng những cách diễn đạt sáng tạo và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.

2.2.2. Văn học

a) Các mạch kiến thức văn học

- Thể loại văn học: Văn học dân gian.

- Các yếu tố của văn bản văn học: Câu chuyện, cốt truyện, nhân vật,...

b) Phân bổ các mạch kiến thức văn học từng cấp độ

- Cấp độ A1: Một số hiểu biết sơ giản về truyện kể, văn xuôi, văn vần, từ ngữ, hình ảnh, lời nhân vật, đối thoại.

- Cấp độ A2: Những hiểu biết về các thể loại (truyện kể dân gian; một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học).

- Cấp độ B: Một số thể loại văn bản văn học dân gian (truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn...) của người Khmer; yếu tố tưởng tượng kì ảo của một số truyện kể dân gian; một vài yếu tố nghệ thuật của thơ ca Khmer. Một số loại hình sân khấu của người Khmer; một số văn bản văn học của các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam.

2.3. Yêu cầu cần đạt về kiến thức văn hóa

Hiểu biết về giá trị văn hóa của người Khmer qua các phong tục tập quán như: lễ Chôl-chnăm-thmây, lễ Sen-đôn-ta, lễ Ok-om-bok, lễ cưới...; nghi thức chào hỏi, các trò chơi dân gian, ẩm thực, trang phục, biểu diễn văn nghệ...

V. NỘI DUNG TỔNG QUÁT

Nội dung dạy học tiếng Khmer được xác định dựa trên các yêu cầu cần đạt của mỗi cấp độ, gồm: Hoạt động nghe, nói, đọc và viết; kiến thức (tiếng Khmer, văn học); ngữ liệu.

1. Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng nghe, nói, đọc và viết.

1.1. Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng nghe và nói

a) Kĩ năng nghe: Gồm các yêu cầu về cách nghe, cách ghi chép, hỏi đáp, thái độ, sự kết hợp các cử chỉ, điệu bộ khi nghe...

b) Kĩ năng nói: Phát âm âm, tiếng, từ, gồm các yêu cầu về âm lượng, tốc độ, sự liên tục, cách diễn đạt, trình bày, thái độ, sự kết hợp các cử chỉ, điệu bộ...

c) Kĩ năng nghe và nói có tính tương tác: Gồm các yêu cầu về thái độ, sự tôn trọng nguyên tắc hội thoại và các quy định trong thảo luận, phỏng vấn,...

1.2. Yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc

a) Kĩ thuật đọc: Gồm các yêu cầu về tư thế đọc, kĩ năng đọc thành tiếng, kĩ năng đọc thầm, đọc lướt,...

b) Đọc-hiểu: Đối tượng đọc gồm văn bản văn học, văn bản thông tin.

Đọc hiểu mỗi kiểu văn bản và thể loại nói chung có các yêu cầu cần đạt sau:

- Đọc hiểu nội dung văn bản thể hiện qua chủ đề,...
- Đọc hiểu các văn bản (câu chuyện, văn xuôi, văn vần, truyện kể, nhân vật,...), ngôn ngữ biểu đạt,...
- Đọc mở rộng, học thuộc lòng một số đoạn.

1.3. Yêu cầu cần đạt về kĩ năng viết

a) Kỹ thuật viết: gồm tư thế ngồi viết, kỹ năng viết chữ và viết chính tả, kỹ năng trình bày bài viết,...

b) Viết chữ thường, chữ kiểu, từ ngữ, câu, đoạn, văn bản...

2. Ngữ liệu

2.1. Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu

Trong môn tiếng Khmer, ngữ liệu là một bộ phận cấu thành của nội dung giáo dục, góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển ở học sinh những phẩm chất và năng lực được nêu trong chương trình. Để đáp ứng yêu cầu hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh, ngữ liệu được lựa chọn bảo đảm các tiêu chí sau:

a) Phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất và năng lực theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình.

b) Phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm - sinh lý của học sinh ở từng cấp độ. Từ ngữ dùng làm ngữ liệu dạy tiếng ở từng cấp độ được chọn lọc trong phạm vi vốn từ văn hóa có ý nghĩa tích cực, bảo đảm mục tiêu giáo dục phẩm chất, giáo dục ngôn ngữ, phù hợp với lứa tuổi học sinh.

c) Độ khó của các văn bản đọc tăng dần, độ khó hiểu của từ ngữ, câu, cũng được nâng lên qua từng cấp độ.

d) Phản ánh giá trị các văn bản mang tính văn hoá dân tộc; thể hiện tinh thần yêu nước; có tính nhân văn, giáo dục lòng nhân ái, tình yêu thiên nhiên...

2.2. Tác phẩm được chọn

Truyện kể dân gian trong kho tàng sách truyện kể của người Khmer ở Đồng bằng Sông Cửu Long.

VI. NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU CỤ THỂ (THEO CẤP ĐỘ)

Trình độ A1. Năm học thứ 1

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
-----------------	-------------------

Nghe - Nghe và phân biệt sự khác nhau giữa các âm, tiếng. - Nghe - hiểu đúng các câu hỏi đơn giản, lời hướng dẫn, yêu cầu của người đối thoại trong giao tiếp.	- Phân biệt được sự khác nhau giữa nguyên âm và phụ âm; phụ âm giọng O và giọng Ô. - Nhận biết 33 phụ âm: ក ខ គ ឃ ង ច ឆ ជ ឈ ញ ដ ប ឧ ឍ ណ ត ថ ទ ធ ន ប ផ ព ភ ម យ រ ល វ ស ហ ឡ អ។ - Nhận biết 24 nguyên âm không độc lập ា ិ ី ឺ ឺ ុ ួ ួ ើ ឿ ៀ េ ែ ៃ ោ ៅ ុំ ំ ាំ ុំ ិះ ិះ េះ ុះ ោះ ។ - Nhắc lại được lời thầy, cô, bạn bè; làm theo chỉ dẫn của thầy, cô, bạn bè, người đối thoại.
Nói - Bước đầu biết phát âm đúng, sửa lỗi phát âm. - Nói đủ to, rõ ràng, thành câu. - Nói lời chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi. - Trả lời đúng câu hỏi đơn giản.	Biết phát âm đúng rõ ràng và biết nói lời chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi.
Đọc - Đọc được các chữ và dấu âm. - Biết ráp vần, đánh vần.	- Đọc được các chữ phụ âm, nguyên âm và dấu âm. - Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu: dấu hiệu giãn cách từ và cụm từ (Đok-khlia) dấu chấm câu ។ (Khane).

- Đọc trơn, đọc rõ tiếng, từ, câu. - Đọc đúng câu, chuỗi câu ngắn chứa các âm, tiếng, chữ đã học. Biết nghỉ hơi đúng dấu câu. - Đọc được một số chữ số tự nhiên hàng đơn vị từ 1-9. - Đọc - hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài học. - Đọc - hiểu nội dung diễn đạt trong câu, chuỗi câu. - Thuộc một số câu, chuỗi câu đã học.	- Đọc được chữ số tự nhiên hàng đơn vị từ 1-9: ๑ ๒ ๓ ๔ ๕ ๖ ๗ ๘ ๙ - Biết giải nghĩa các từ ngữ bằng lời mô tả hoặc bằng vật thật, tranh ảnh. - Trả lời đúng câu hỏi về nội dung của câu, chuỗi câu.
Viết - Nắm được cách viết và viết đúng theo quy trình. - Viết đúng nét các chữ ghi phụ âm, nguyên âm; các dấu âm và chữ số tự nhiên hàng đơn vị từ 1-9. - Viết đúng các từ ngữ, dấu hiệu giãn cách từ và cụm từ (Đok-khlia) và dấu câu.	- Đối với phụ âm viết thân chữ trước; - Đối với tiếng tùy thuộc vào sự xuất hiện của chữ theo thứ tự trước hoặc sau nguyên âm và phụ âm; - Viết được 33 phụ âm; - Viết được 24 nguyên âm không độc lập; - Viết được 3 dấu âm; - Viết được chữ số tự nhiên hàng đơn vị từ 1-9.
Kiến thức Tiếng a) Ngữ âm, chữ viết.	- Nhận biết được chữ ghi phụ âm, nguyên âm không độc lập và dấu âm. - Nhận biết một số chữ số tự nhiên hàng đơn vị từ 1- 9. - Nhận biết các bộ phận của tiếng: âm đầu, dấu âm.
b) Từ vựng	- Biết khoảng 130 từ ngữ về gia đình, nhà trường, thiên nhiên, đất nước (bao gồm cả thành ngữ, tục ngữ).

c) Ngữ pháp	- Nhận biết dấu hiệu giãn cách từ và cụm từ, dấu chấm câu. - Biết dấu hiệu giãn cách từ và cụm từ (Đok-khlia), dấu chấm câu ʼ1 (Khane).
Kiến thức văn hóa	Cách chào hỏi theo phong tục tập quán của người Khmer (chấp tay chào hỏi hoặc chào tạm biệt...).

Trình độ A1. Năm học thứ 2

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Nghe - Nhận biết được sự khác nhau giữa các âm, vần, tiếng từ có giọng O, giọng Ô. - Nghe - hiểu câu hỏi, lời kể, lời hướng dẫn, yêu cầu của người đối thoại trong giao tiếp.	Nghe và trả lời được câu hỏi về những mẫu chuyện có nội dung đơn giản, gần gũi với lứa tuổi (kết hợp nhìn tranh minh họa).
Nói - Nói được lời mời, nhờ, đề nghị, đồng ý, không đồng ý,...; biết đáp lại những lời nói cho phù hợp. - Trả lời được câu hỏi đơn giản về nội dung của bài đọc hoặc mẫu chuyện được nghe kể. - Thuật lại được bằng vài ba câu về một sự việc đơn giản theo câu hỏi và tranh minh họa.	Thuật lại rõ ràng, đủ ý một mẫu chuyện đơn giản đã nghe thầy cô kể, đã học.
Đọc - Đọc được các chữ và dấu âm.	- Đọc và hiểu được cách sử dụng của chữ có phụ âm gửi chân, chồng vần; 6 dấu âm như: Dấu ố (Ă-să-đa), dấu ồ

- Đọc được các nguyên âm độc lập. - Đọc đúng và rõ ràng các từ ngữ, câu, chuỗi câu, đoạn văn ngắn chứa các âm, chữ đã học. - Bước đầu biết đọc thầm. - Đọc được thêm một số chữ số hàng chục từ 10 -100. - Đọc, hiểu nghĩa của từ, câu, đoạn văn, khổ thơ. - Thuộc lòng được một số khổ thơ đã học.	(Rô-bat), dấu ័ (Lêc-tô), dấu ៊ (Ton-đă-khiết), dấu ơ (Săng-dôk), dấu ơ: (Dus-kes-les-pân-tus). - Đọc được 13 nguyên âm độc lập như: ត ឡ ឧ ឩ ឌី ឫ ឬ ព ព ឯ ព ឌី ឌី - Đọc và biết ngắt nghỉ hơi ở chỗ có các dấu câu như dấu ័ (Lêc-tô), dấu chấm câu ័ (Khane), dấu giãn cách từ và cụm từ (Đok-khlia), các dấu câu khác. - Đọc được chữ số tự nhiên hàng chục từ 10-100. - Nhắc lại các chi tiết trong bài đọc. - Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung bài tập đọc.
Viết - Nắm được quy trình viết và viết đúng theo quy trình phụ âm gửi chân, chông vằn và nguyên âm độc lập. - Viết đúng và đủ nét các phụ âm gửi chân, chông vằn, các từ, câu ngắn và các dấu âm.	- Viết được chân phụ âm, gửi chân, chông vằn, nguyên âm độc lập và các dấu âm.
Kiến thức Tiếng a) Ngữ âm, chữ viết. - Nắm được thân và chân chữ của các phụ âm theo hai hệ thống giọng O và giọng Ô.	- Giọng O như: ក ខ ច ឆ ជ ប ណ ត ថ ប ផ ស ហ ឡ អ ័ - Giọng Ô như: គ ឃ ង ដ ឈ ញ ឧ ឬ ទ ធ ន ព ភ ម យ

Trình độ A1. Năm học thứ 3

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Nghe - Nghe hiểu nội dung của lời đối thoại. - Nghe - hiểu và nhớ nội dung những mẫu chuyện đơn giản thầy cô kể. - Nghe phân biệt được các âm, tiếng để viết đúng chính tả (nhìn - viết).	- Biết trao đổi ý kiến theo chủ đề đối thoại. - Phân biệt các âm, tiếng, từ.
Nói - Kể rõ ràng, đủ ý một mẫu chuyện đơn giản đã nghe thầy cô kể hoặc đã học. - Biết dùng lời nói phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. - Biết đặt và trả lời câu hỏi trong học tập, giao tiếp.	- Biết giới thiệu hoạt động của tổ theo gợi ý.
Đọc - Đọc, hiểu nghĩa của từ, câu, nội dung của đoạn văn, khổ thơ. - Đọc đúng, rõ ràng, đoạn văn, bài văn ngắn. - Đọc thêm chữ số hàng trăm từ 101 đến 500.	- Đặt đầu đề cho đoạn văn, khổ thơ (theo gợi ý). - Đọc rõ ràng, biết nghỉ hơi đúng sau các dấu câu. - Đọc được chữ số hàng trăm từ 101 đến 500.
Viết - Viết đúng, rõ ràng, đều nét và tương đối nhanh các chữ cỡ nhỏ. - Nhìn viết đúng chính tả chuỗi câu hoặc đoạn văn có độ	- Nhìn viết bằng chữ cỡ nhỏ đúng theo đoạn văn hoặc bài văn ngắn.

dài khoảng 20-30 chữ quen thuộc. - Biết phát hiện và sửa lỗi chính tả phổ biến trong bài viết.	- Trình bày bài viết đúng quy định. - Một số lỗi chính tả phổ biến.
Kiến thức Tiếng a) Ngữ âm, chữ viết. - Biết và nắm vững một số ứng dụng của bảng chữ ghi phụ âm và nguyên âm; - Nhận biết được chữ số tự nhiên hàng trăm từ 101-500.	Nhận biết được một số từ ngữ có nguồn gốc từ tiếng Pali-Sanskrit thông dụng.
b) Từ vựng Biết thêm khoảng 250 từ ngữ về gia đình, nhà trường, thiên nhiên, đất nước (bao gồm cả thành ngữ, tục ngữ).	Biết thêm một số thành ngữ, tục ngữ, một số mẫu câu đơn cơ bản.
c) Ngữ pháp - Nhận biết được một số câu kể, câu hỏi đơn giản theo mẫu. - Nhận biết thêm một số dấu câu.	- Nhận biết được một số câu hỏi qua các câu hỏi phần tìm hiểu bài khóa hoặc nội dung câu chuyện/bài khóa. - Nhận biết thêm một số dấu câu: dấu chấm than, dấu chấm hỏi, dấu ngoặc kép...
Kiến thức văn hóa	Biết được một số lễ hội truyền thống của người Khmer.

Trình độ A1. Năm học thứ 4

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Nghe - Nghe -hiểu những câu chuyện đơn giản thầy cô kể, những tin tức ngắn trên đài phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer.	- Hiểu được những câu chuyện đơn giản thầy cô kể, những tin tức ngắn trên đài phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer.

- Phân biệt được các âm, tiếng để viết đúng chính tả. - Nhìn - viết chính tả bài văn xuôi, văn vần ngắn. - Nghe - viết bài chính tả đoạn văn hoặc đoạn thơ ngắn.	- Nắm được các âm, tiếng để viết đúng chính tả. - Nhìn viết và nghe viết được chính tả.
Nói - Biết thuật lại được nội dung chính của các mẫu tin ngắn phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh. - Kể lại được tương đối rõ ràng từng đoạn của câu chuyện đã nghe, đã đọc. Bước đầu biết nhận xét về nhân vật, hình ảnh, chi tiết trong câu chuyện.	- Thuật lại được nội dung chính của các mẫu tin ngắn. - Kể lại được tương đối rõ ràng từng đoạn của câu chuyện.
Đọc - Đọc được chữ kiểu. - Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn năm thứ ba. - Đọc - hiểu nghĩa của từ, câu và nội dung của đoạn, bài. - Thuộc bảng chữ kiểu phụ âm, nguyên âm và đoạn thơ, đoạn văn dễ nhớ. - Đọc được mục lục sách, thời khóa biểu, đọc thông báo, nội quy,... để phục vụ sinh hoạt và học tập của bản thân.	- Đọc được chữ kiểu gồm 33 phụ âm và chân của phụ âm, 24 nguyên âm. - Đọc thầm để trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc. - Liệt kê được các ý chính nội dung bài đọc.
Viết - Viết đúng, rõ ràng, đều nét và tương đối nhanh các chữ cỡ nhỏ; viết được chữ kiểu. - Biết sử dụng từ ngữ đúng, biết đặt câu đơn theo mẫu. - Viết được một số đoạn văn đơn giản.	- Viết được chữ kiểu Khmer gồm 33 phụ âm và chân của phụ âm, 24 nguyên âm. - Biết sử dụng từ ngữ phù hợp, đúng ngữ cảnh. - Viết được một số đoạn văn đơn giản (từ 3 đến 5 câu) theo câu hỏi gợi ý.

Kiến thức Tiếng a) Ngữ âm, chữ viết - Biết và nắm được bảng chữ kiểu phụ âm và nguyên âm; nhận biết chữ kiểu; củng cố quy luật chính tả. - Nhận biết được chữ số hàng trăm từ 501-1.000.	- Nhận biết cách viết chữ kiểu Khmer, gồm 33 phụ âm và chân của phụ âm, 24 nguyên âm.
b) Từ vựng Biết thêm khoảng 300 từ ngữ về gia đình, nhà trường, thiên nhiên, đất nước, lễ hội (bao gồm cả thành ngữ, tục ngữ).	Biết thêm một số thành ngữ, tục ngữ, một số mẫu câu đơn cơ bản và một số từ ngữ có nguồn gốc từ Pali-Sanskrit thông dụng.
c) Ngữ pháp Nhận diện được cấu trúc một số mẫu câu đơn cơ bản và đặt câu theo gợi ý.	Nhận biết được một số câu hỏi qua các câu hỏi phản tìm hiểu bài hoặc nội dung câu chuyện, bài đọc.
d) Tập làm văn - Biết viết đoạn văn đơn giản theo tranh ảnh. - Biết viết đoạn văn theo các câu hỏi gợi ý.	- Viết được đoạn văn đơn giản theo tranh ảnh. - Viết được đoạn văn theo các câu hỏi gợi ý.
Kiến thức văn hóa	Biết thêm một số lễ hội truyền thống của người Khmer.

Trình độ A1. Năm học thứ 5

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Nghe - Nghe và nhận ra thái độ, tình cảm của người nói qua lời lẽ, ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt.	- Nghe - hiểu được nội dung, chi tiết, nhận xét được về

- Nghe - hiểu và nhớ nội dung, chi tiết, nhận xét được về nhân vật và sự việc. - Nghe - viết bài chính tả ngắn (tốc độ khoảng 40 chữ/15 phút).	nhân vật và sự việc. - Nghe - viết được bài chính tả ngắn.
Nói - Biết dùng từ đúng khi nói, diễn tả rõ ràng ý định nói. - Biết dùng lời nói phù hợp với cách giao tiếp ở nơi công cộng, gia đình, nhà trường. - Bước đầu biết thông báo những tin ngắn. - Biết giới thiệu về gia đình, họ hàng.	- Biết dùng từ phù hợp, đúng ngữ cảnh khi nói. - Dùng lời nói phù hợp với cách giao tiếp. - Bước đầu biết thông báo những tin ngắn về một số vấn đề gần gũi với học sinh, gắn với chủ điểm được học.
Đọc - Đọc nhanh các bài văn, bài thơ dài khoảng 60 chữ, tốc độ khoảng 50 chữ/phút. - Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn năm thứ tư (khoảng 55 chữ/phút). - Đọc cơ bản bài văn, bài thơ, phù hợp với nội dung của từng bài đọc. - Đọc và giải nghĩa được một số từ ngữ; nhận biết được một số từ đồng nghĩa, trái nghĩa trong bài đọc.	- Đọc được thành tiếng, đọc thầm các bài văn, bài thơ nhanh hơn năm thứ tư. - Biết giải nghĩa được một số từ ngữ; một số từ đồng nghĩa, trái nghĩa trong bài đọc.
Viết - Viết rõ ràng, đều nét, đúng chính tả các bài văn ngắn (tốc độ khoảng 40 chữ/15 phút). - Lập dàn ý và viết được bài văn kể chuyện, miêu tả có độ	- Viết được những đoạn văn/bài văn kể chuyện, văn miêu

dài khoảng 45 đến 50 chữ.	tả ngắn về đồ vật, con vật theo dàn ý. - Biết kiểm tra, rà soát lại bài viết về nội dung, cách diễn đạt, cách trình bày.
Kiến thức Tiếng a) Ngữ âm và chữ viết - Biết sử dụng dấu Săng-dôk (្ក), Dus-kes-les-pân-tus (្កៈ) - Biết thêm một số quy tắc chính tả.	- Biết sử dụng dấu ្ក (dấu biến giọng các từ có nguồn gốc Pali-Sanskrit phát âm thành giọng Khmer), dấu ្កៈ (dấu báo hiệu đọc theo giọng Pali-Sanskrit). - Biết thêm một số quy tắc viết chính tả; viết chữ kiểu đề bài,...
b) Từ vựng Biết thêm khoảng 350 từ ngữ theo các chủ điểm: thiên nhiên, đất nước, phẩm chất của con người.	Biết thêm từ ngữ theo các chủ điểm nói về những phẩm chất của con người (lòng nhân hậu, lòng dũng cảm, tình đoàn kết giữa các dân tộc anh em...).
c) Ngữ pháp - Nhận biết một số hiện tượng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, đồng âm. - Nắm vững được cấu trúc một số mẫu câu đơn cơ bản.	- Nhận biết và tìm được từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm của các từ gợi ý. Đặt câu với các từ đồng nghĩa cho trước. - Nhận biết chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ trong câu đơn. Đặt câu theo cấu trúc một số mẫu câu đơn cơ bản.
d) Tập làm văn - Nhận biết kết cấu các phần của bài văn kể chuyện, miêu tả. - Biết cách lập dàn ý cho bài văn kể chuyện, miêu tả.	Nhận biết kết cấu ba phần của bài văn kể chuyện, miêu tả: mở bài, thân bài, kết bài.
Kiến thức văn hóa	Hiểu được một số ẩm thực của người Khmer.

Trình độ A2. Năm học thứ 6

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Nghe - Nghe - hiểu các văn bản truyện kể, thông tin có nội dung phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh. - Nghe nhắc lại được các sự việc chính được nghe.	- Nghe và nhớ được nội dung truyện kể, thông tin. - Nghe nhắc lại được một cách tóm tắt các sự việc đã được nghe.
Nói - Biết đặt và trả lời câu hỏi trong trao đổi, thảo luận về bài học hoặc một số vấn đề gần gũi với học tập. - Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc hoặc sự kiện đã biết. - Biết bày tỏ ý kiến, thái độ về vấn đề đang trao đổi.	- Biết nhận xét về các nhân vật hoặc sự việc trong câu chuyện. - Biết bày tỏ ý kiến, thái độ tình cảm đối với vấn đề.
Đọc - Đọc hiểu nội dung chính, ý nghĩa của từng đoạn trong bài, nội dung của bài đọc. - Thuộc lòng một số đoạn văn, đoạn thơ, bài thơ ngắn trong sách giáo khoa. - Biết dùng một số sách công cụ để phục vụ cho việc học tập.	- Hiểu được nội dung chính, ý nghĩa của từng đoạn trong bài, nội dung của bài đọc. - Thuộc lòng được một số đoạn văn, đoạn thơ, bài thơ ngắn trong sách giáo khoa. - Biết dùng một số sách tham khảo (từ điển học sinh, sổ tay từ ngữ, ngữ pháp),...để phục vụ cho việc học tập.
Viết - Viết đúng theo các quy tắc chính tả đã học; biết tự phát hiện và sửa lỗi chính tả khi viết. - Viết câu đúng ngữ pháp, liên kết các câu thành đoạn, bài.	- Viết được bài chính tả nghe-viết, nhớ-viết có độ dài khoảng 50 chữ trong 15 phút. - Viết đúng một số từ có nguồn gốc Pali-Sanskrit theo các quy tắc chính tả, biết tự phát hiện và sửa lỗi kịp thời khi

	viết chính tả. - Viết đúng các cấu trúc câu theo ngữ pháp (câu ghép).
Kiến thức tiếng Khmer a) Từ vựng - Nhận biết các đặc điểm của từ trong tiếng Khmer. - Nhận biết các hình thức cấu tạo từ trong tiếng Khmer.	Nhận biết từ (tiếng Khmer) là một đơn vị đơn âm hoặc đa âm, không biến hình, có đầy đủ ý nghĩa và có chức năng tạo câu.
b) Ngữ pháp - Phân biệt được danh từ, động từ, quan hệ từ. - Nắm được cấu trúc một số mẫu câu ghép cơ bản.	- Nhận biết các loại danh từ (danh từ chung và danh từ riêng); nhận biết cụm danh từ, động từ. - Nhận biết chủ ngữ, vị ngữ, quan hệ từ trong câu ghép. Đặt câu theo cấu trúc một số mẫu câu ghép cơ bản.
c) Tập làm văn - Biết kết cấu ba phần của bài văn kể chuyện, miêu tả. - Biết cách lập dàn ý cho bài văn kể chuyện, miêu tả.	Viết được bài văn kể chuyện, văn miêu tả ngắn về cây cối, viết thư theo dàn ý.
Kiến thức văn hóa	Nhận biết về một số trang phục truyền thống của người Khmer.

Trình độ A2. Năm học thứ 7

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Nghe - Nghe và kể lại được câu chuyện đã nghe. - Nghe và nhắc lại được các thông tin chính của bài nghe, đánh giá đúng tình cảm, thái độ, chủ đích của người nói.	- Nghe và kể lại được câu chuyện đã nghe. - Nhắc lại được các thông tin của bài nghe, đánh giá đúng tình cảm, thái độ, chủ đích của người nói.

- Nghe - viết bài chính tả có độ dài 70 chữ, trong đó có từ chứa âm, vần khó hoặc âm, vần dễ viết sai lẫn.	
Nói - Biết thuật lại các sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia, biết thông báo lại những nội dung thông tin (khoa học, tin tức...) đã nghe, đã đọc. - Biết trình bày trước lớp những ý kiến để trao đổi, thảo luận về những nội dung học tập.	- Kể câu chuyện đã nghe, đã chứng kiến bằng lời của người kể, bằng lời của nhân vật trong câu chuyện.
Đọc - Đọc và nhận biết dàn ý và đại ý của văn bản; nhận biết ý chính của từng đoạn trong văn bản. - Đọc và hiểu được các từ ngữ, hình ảnh, trong bài văn, bài thơ.	- Biết tra từ điển và sử dụng một số sách tham khảo. - Nhận biết nội dung ý nghĩa của các kí hiệu, số liệu, sơ đồ trong văn bản.
Viết - Viết được bài chính tả nghe - viết, nhớ -viết có độ dài khoảng 60 chữ trong 15 phút. - Biết lập dàn ý cho bài văn tả cảnh vật.	- Viết đúng một số từ ngữ dễ viết sai, lẫn. - Biết tự phát hiện và sửa lỗi chính tả. - Viết được bài văn miêu tả: cảnh vật.
Kiến thức Tiếng Khmer a) Từ vựng - Từ đơn; - Từ ghép; - Từ láy.	- Nhận biết được từ đơn, từ ghép đơn giản. - Nhận biết từ láy hoàn toàn và từ láy bộ phận (láy phụ âm đầu và láy vần). - Nhận biết các từ đồng nghĩa có thể thay thế cho nhau và các từ đồng nghĩa không thay thế được cho nhau (do có sự khác biệt về sắc thái biểu cảm,...) ; có khả năng lựa chọn

- Biết cách sử dụng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa.	từ đồng nghĩa trong nói và viết. - Nhận biết các cặp từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ của người Khmer Nam Bộ; sử dụng từ trái nghĩa trong nói và viết.
b) Ngữ pháp - Phân biệt được tính từ, trạng từ.	- Nhận biết các loại tính từ, cụm tính từ. - Nhận biết một số trạng từ. - Bước đầu có khả năng sử dụng các tính từ, trạng từ thông dụng.
c) Tập làm văn - Hiểu được cấu tạo bài văn miêu tả; biết cách lập dàn ý bài văn miêu tả dựa theo gợi ý. - Biết cách làm bài văn tả cảnh.	Viết được bài văn miêu tả ngắn về cảnh vật theo dàn ý.
Kiến thức văn hóa	Nhận biết về một số điệu múa dân gian của người Khmer.

Trình độ A2. Năm học thứ 8

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Nghe - Nghe hiểu và dịch được một số từ ngữ thông dụng từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại. - Nghe và ghi chép được một số thông tin ngắn.	- Nghe hiểu và dịch được một số từ ngữ thông dụng. - Nghe và ghi chép được một số thông tin phổ biến.
Nói - Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc.	- Biết chuyển đổi ngôi kể khi kể chuyện.

- Biết giải thích để làm rõ vấn đề khi trao đổi ý kiến với bạn bè, thầy cô.	- Giải thích các vấn đề khi trao đổi ý kiến với bạn bè, thầy cô.
Đọc - Thuộc một số bài thơ ngắn. - Đọc hiểu về tình cảm trong nội dung văn bản. - Kể lại được cốt truyện đã đọc.	Thuộc lòng một số bài thơ ngắn, dễ nhớ.
Viết - Viết được bài chính tả nghe - viết, nhớ - viết. - Viết đúng một số từ ngữ dễ viết sai, lẫn. - Biết lập dàn ý bài văn miêu tả cảnh vật, tả người. - Biết dùng một số biện pháp liên kết câu trong đoạn văn.	- Viết được bài chính tả nghe-viết, nhớ-viết có độ dài khoảng 70 chữ trong 15 phút. - Viết được bài văn miêu tả (có đầy đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài). - Biết tự phát hiện và sửa lỗi chính tả.
Kiến thức Tiếng Khmer a) Từ vựng - Biết thêm các từ ngữ thuộc các chủ điểm: bản thân, gia đình, nhà trường, thiên nhiên, đất nước, văn hóa dân tộc,... - Nhận biết từ đồng nghĩa hoàn toàn và từ đồng nghĩa không hoàn toàn (gần nghĩa); biết lựa chọn từ đồng nghĩa phù hợp để nói, viết hiệu quả hơn.	Biết cách xác định nghĩa của từ đồng nghĩa hoàn toàn và từ đồng nghĩa không hoàn toàn. Để sử dụng trong bài viết cho phù hợp với ngữ cảnh.
b) Ngữ pháp - Biết cách sử dụng quan hệ từ trong việc liên kết các thành phần của cụm từ, các thành phần của câu và liên kết các câu trong đoạn văn. - Nhận biết được đại từ, phân biệt các loại đại từ trong	Phân biệt được đại từ nhân xưng, đại từ chỉ định, đại từ xác định.

tiếng Khmer. Biết cách sử dụng đại từ phù hợp với tình huống giao tiếp, nhân vật giao tiếp,...	
c) Tập làm văn - Hiểu được bài văn miêu tả người. Biết cách làm bài văn tả người. - Biết cách tóm tắt bài văn tả người.	Lập được dàn ý và viết được bài văn tả người theo yêu cầu.
Kiến thức văn hóa	Nhận biết về một số tác phẩm nghệ thuật điêu khắc của người Khmer.

Trình độ A2. Năm học thứ 9

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Nghe - Hiểu lời giảng giải, hướng dẫn của thầy cô trong giờ học. - Nghe - hiểu và nêu được nhận xét ý kiến phát biểu của các bạn trong các cuộc thảo luận của tổ, của lớp.	Biết nêu câu hỏi về những điều chưa nghe rõ hoặc chưa hiểu.
Nói - Biết giới thiệu thành đoạn văn ngắn về cảnh vật, lễ hội, về các nhân vật tiêu biểu,... của địa phương. - Nghe - hiểu và dịch lại được những mẫu tin ngắn, một số bài đọc ngắn từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại.	Thuật lại một sự việc thành bài văn có độ dài khoảng 10 - 15 câu.
Đọc - Đọc hiểu một số truyện kể đơn giản từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại.	Thuộc khoảng 4 đến 5 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ có độ dài khoảng 100 chữ.

- Đọc khoảng 4 đến 5 bài thơ hoặc đoạn văn.	
Viết - Biết xây dựng ý, lập dàn ý cho đoạn văn, bài văn thuyết minh. - Biết viết đoạn văn, bài văn thuyết minh về một nhân vật, sự vật, sự việc, hiện tượng quen thuộc trong đời sống.	Lập dàn ý và viết được bài văn thuyết minh về một nhân vật, sự vật, sự việc, hiện tượng quen thuộc trong đời sống.
Kiến thức Tiếng Khmer a) Từ vựng Biết thêm các từ thuộc chủ điểm truyền thống văn hóa dân tộc,... của đồng bào Khmer.	Hiểu thêm các từ ngữ thuộc chủ điểm về truyền thống văn hóa dân tộc.
b) Ngữ pháp - Nhận biết một số kiểu cấu trúc câu đặc biệt của tiếng Khmer; phân tích câu đơn, câu ghép. - Hiểu được tác dụng của dấu câu tiếng Khmer và cách sử dụng dấu câu khi viết.	Tác dụng của dấu câu trong tiếng Khmer và cách sử dụng dấu câu khi viết (dấu chấm than, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép, dấu ngoặc đơn, dấu gạch ngang, dấu chấm hỏi,...).
c) Tập làm văn - Nhận biết được những đặc điểm chủ yếu của văn bản thuyết minh. - Biết cách lập dàn ý và viết được bài văn thuyết minh về sự vật, câu tục ngữ.	Lập dàn ý và viết được bài văn thuyết minh theo yêu cầu.
Kiến thức văn hóa	Nhận biết về chữ viết Khmer trên sách lá buông.

Trình độ B. Năm học thứ 10

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Nghe - Nghe và kể lại hoàn chỉnh câu chuyện được nghe. - Nghe và nhắc lại được các thông tin chính của bài nghe.	Nghe và nhắc lại được các thông tin chính của bài nghe..., đánh giá đúng tình cảm, thái độ, chủ đích của người nói.
Nói - Biết trình bày rõ ràng, mạch lạc sự việc chứng kiến hoặc tham gia trước nhóm, trước lớp. - Trình bày được ý kiến riêng của cá nhân về những vấn đề được trao đổi trong tập thể tổ, lớp. - Bước đầu thể hiện được lí lẽ bảo vệ ý kiến của mình.	Biết trình bày rõ ràng, mạch lạc sự việc chứng kiến hoặc tham gia trước nhóm, trước lớp; nêu được cảm nghĩ của mình về những điều mắt thấy, tai nghe,...
Đọc - Nhận biết chủ đề, dàn ý, bố cục và đại ý của văn bản đã đọc. - Phát hiện các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài văn, bài thơ, trích đoạn văn bản được đọc.	- Nhận biết chủ đề, dàn ý, bố cục và đại ý của văn bản đã đọc; nhận biết ý chính của từng đoạn trong văn bản. - Biết nhận xét về ý nghĩa trong văn bản được đọc.
Viết - Biết viết đoạn văn, bài văn thuyết minh. - Biết viết tóm tắt bài văn thuyết minh.	Viết được đoạn văn, bài văn và tóm tắt về bài văn thuyết minh.
Kiến thức Tiếng Khmer a) Từ vựng - Hiểu biết từ cụ thể và từ trừu tượng. Biết cách sử dụng	- Từ cụ thể là những từ chỉ người, sự vật, nơi chốn,... có

đúng từ cụ thể và từ trừu tượng trong nói và viết. - Mở rộng thêm vốn từ về chủ điểm: bảo vệ tổ quốc, tình đoàn kết giữa các dân tộc, bảo vệ môi trường,...).	thể nhận biết bằng giác quan hoặc có hình dáng cụ thể. - Từ trừu tượng là những từ chỉ tính chất, chất lượng, trạng thái,... của con người, con vật, đồ vật,... không có hình dạng cụ thể để nhìn thấy được.
b) Ngữ pháp - Nhận biết được từ thuần Khmer, từ vay mượn. - Nhận biết các loại từ (động từ gốc, động từ biến thể, cụm động từ, ngoại động từ, nội động từ, trạng từ).	Hiểu biết được từ thuần Khmer, từ vay mượn. Biết cách sử dụng đúng các từ thuần Khmer, từ vay mượn và các loại động từ trong nói và viết.
c) Tập làm văn - Biết viết bài văn thuyết minh về cây cối, danh lam thắng cảnh. - Biết cách lập dàn ý cho bài văn thuyết minh.	Lập được dàn ý và viết được bài văn thuyết minh theo yêu cầu.
Kiến thức văn hóa	Nhận biết về ngôi chùa và phong tục xuất gia tu hành của thiếu niên Khmer.

Trình độ B. Năm học thứ 11

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Nghe - Nghe - hiểu các thông tin trong bài nghe. - Nghe và nhận biết quan điểm, cảm xúc, thái độ của người nói. - Nghe-hiểu và dịch lại được một số văn bản thông dụng	- Hiểu các thông tin trong bài nghe và nêu lại các thông tin chính của bài nghe. - Nghe và dịch tóm tắt được một số ý củavăn bản thông dụng trong lĩnh vực văn hóa xã hội từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại.

trong lĩnh vực văn hóa xã hội.	
Nói - Biết thuật việc, kể chuyện ngắn gọn, rõ ý, mạch lạc. - Biết nói theo chủ đề yêu cầu (vấn giải thích), thể hiện được cách lập luận của bản thân.	Mạnh dạn phát biểu ý kiến trong giao tiếp trong cộng đồng.
Đọc - Đọc thành thạo các loại văn bản nghệ thuật, báo chí, khoa học thường thức,... - Biết đọc thầm với tốc độ nhanh (khoảng 90 chữ/phút).	- Đọc thành thạo các loại văn bản nghệ thuật, báo chí, khoa học thường thức,... có độ dài khoảng 200 - 300 chữ với tốc độ khoảng 85 chữ/phút. Biết ngắt nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.
Viết - Biết xây dựng ý và viết hoàn chỉnh bài văn thuyết minh. - Biết viết tóm tắt văn bản thuyết minh.	Biết cách viết tóm tắt và viết hoàn chỉnh bài văn thuyết minh.
Kiến thức Tiếng Khmer a) Từ vựng Mở rộng thêm vốn từ về chủ điểm: Kinh nghiệm sống, lao động sản xuất, phương tiện giao thông,...	Biết cách sử dụng một số từ phù hợp với chủ điểm khi nói và viết.
b) Ngữ pháp - Nhận biết cách phân loại từ, câu theo mục đích nói và viết. - Biết cách sử dụng các câu phù hợp với mục đích nói trong giao tiếp.	Nhận biết về từ đôi, từ cấm kỵ; câu hỏi, câu cầu khiến, câu cảm, câu trần thuật, câu khẳng định, câu phủ định.

c) Tập làm văn - Biết viết bài văn thuyết minh về trang phục và ẩm thực của người Khmer.	Biết cách viết tóm tắt và viết hoàn chỉnh bài văn thuyết minh về trang phục và ẩm thực của người Khmer.
Kiến thức văn hóa	Nhận biết về nghệ thuật sân khấu Dù-kê (ល្ខោនបាសាក់)

Trình độ B. Năm học thứ 12

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Nghe - Nghe hiểu lời giảng dạy, hướng dẫn của thầy cô; nghe để ghi bài học. - Nghe-hiểu và dịch lại được một số văn bản hành chính, pháp luật thông dụng.	Nghe và dịch lại được một số văn bản hành chính, pháp luật thông dụng từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại.
Nói - Biết trình bày trước nhóm, trước lớp về một vấn đề phù hợp với lứa tuổi học sinh; thể hiện được lập luận trong bài nói. - Biết cách lời cuốn, thuyết phục người nghe và bảo vệ ý kiến của mình.	Biết cách trình bày và bảo vệ ý kiến của mình trước tập thể về một số vấn đề xã hội (quyền lợi, nghĩa vụ, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, chăm sóc trẻ em,...).
Đọc - Biết đọc diễn cảm bài văn, bài thơ, thể hiện đúng nội dung và phong cách văn bản. - Hiểu và dịch được một số văn bản hành chính, pháp	Đọc hiểu và dịch được (dịch miệng, dịch viết) một số văn bản hành chính, pháp luật, nghị luận đơn giản từ tiếng

luật... - Biết sử dụng từ điển Việt-Khmer, từ điển Khmer-Việt hoặc từ điển tương giải tiếng Khmer để tìm hiểu những từ ngữ khó và làm giàu vốn từ cho cả hai thứ tiếng	Khmer sang tiếng Việt và ngược lại.
Viết - Biết viết bài văn thuyết minh về các câu thành ngữ, tục ngữ người Khmer. - Biết phát hiện và sửa lỗi trong bài viết.	Viết được bài văn thuyết minh về một vấn đề cụ thể, phù hợp với lứa tuổi (mỗi ý, mỗi luận điểm được trình bày bằng một đoạn văn).
Kiến thức Tiếng Khmer a) Từ vựng Mở rộng thêm vốn từ về chủ điểm: hành chính, pháp luật, Phật giáo, phong tục tập quán của người Khmer.	- Biết cách sử dụng từ cho phù hợp với ngữ cảnh. - Biết sử dụng một số từ trong Phật giáo khi giao tiếp với nhà sư.
b) Ngữ pháp - Nhận biết biện pháp tu từ. - Bước đầu cảm nhận được cái hay của những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ, ẩn dụ, hoán dụ, phép nhân hóa, họ hàng từ, từ có căn tố. - Biết dùng các biện pháp ẩn dụ, hoán dụ trong nói và viết.	Biết sử dụng biện pháp tu từ, phép nhân hóa trong nói và viết.
c) Tập làm văn - Biết viết bài văn thuyết minh về câu thành ngữ, tục ngữ của người Khmer.	- Viết được bài văn thuyết minh về câu thành ngữ, tục ngữ của người Khmer.
Kiến thức văn hóa	Nhận biết về nghệ thuật sân khấu Dặc-ròm và một số nét văn hóa của dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam.

VII. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Chương trình môn Tiếng Khmer vận dụng các phương pháp giáo dục theo định hướng chung là phương pháp dạy học tiếng mẹ đẻ, phát triển năng lực giao tiếp của học sinh thông qua những tình huống giao tiếp có thực, gần gũi cuộc sống của các em; dạy học tập trung vào người học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng; đa dạng hóa các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; dạy học tích hợp, kết hợp dạy tiếng Khmer với dạy văn hóa và dạy văn học.

Căn cứ vào chương trình, giáo viên chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức các bài học theo định hướng sau:

a) Tận dụng tối đa kinh nghiệm sử dụng ngôn ngữ đã có của học sinh. Chương trình tiếng Khmer dùng để dạy cho đối tượng học sinh là người Khmer. Trước khi đến trường học sinh đã biết một số lượng từ, một số kiểu câu, một số quy tắc giao tiếp và đã sử dụng chúng trong giao tiếp ở mức độ tự giác còn thấp. Việc dạy Tiếng Khmer cần khai thác vốn tiếng Khmer đã có sẵn của các em, kể cả vốn từ, các kiểu câu, các quy tắc giao tiếp trong khuôn lựa chọn nội dung, tổ chức dạy học để tránh lãng phí, nhàm chán, từng bước giúp học sinh ý thức hóa và hoàn thiện các điều các em đã biết, cung cấp cho HS những tri thức, kỹ năng mới một cách hữu hiệu.

b) Dạy tiếng Khmer thông qua hoạt động giao tiếp là một trong những nguyên tắc chỉ đạo xây dựng chương trình. Chương trình tiếng Khmer coi trọng phương pháp đặc thù của môn học là phương pháp dạy học theo tình huống. Cụ thể là giáo viên đưa ra một tập hợp các yếu tố thuộc ngữ cảnh như hoàn cảnh giao tiếp, nhân vật giao tiếp, đề tài giao tiếp rồi cho học sinh nhập vai các nhân vật để các em chủ động nghe, nói, đọc, viết sao cho đạt được mục đích của từng hoạt động giao tiếp do tình huống giao tiếp đặt ra.

c) Để thực hiện tư tưởng dạy học tập trung vào người học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, chương trình coi trọng việc đa dạng hóa các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động học tập phù hợp với đặc trưng bộ môn như rèn luyện theo mẫu, thảo luận, chơi trò chơi học tập. Dành nhiều thời gian cho học sinh nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu học tập, luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận; dành thời gian cho học sinh tự nghe, nói, đọc, viết theo những yêu cầu và mức độ khác nhau.

d) Dạy học tích hợp kiến thức và kỹ năng trong môn học tiếng, kết hợp dạy tiếng Khmer với dạy văn hóa và văn học Khmer.

Chương trình có mục tiêu phức hợp vừa hình thành kỹ năng vừa cung cấp kiến thức. Trong dạy nghe, dạy nói, có dạy đọc, dạy viết. Trong dạy kỹ năng có dạy tri thức và ngược lại. Trong các kiến thức cung cấp cho HS ngoài các kiến thức về Tiếng Khmer còn có các kiến thức về khoa học tự nhiên và kiến thức về khoa học xã hội.

Tích hợp trong nội môn Tiếng Khmer là kết hợp dạy các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong từng bài học, kết hợp dạy thực hành các kỹ năng trên với việc dạy kiến thức về tiếng Khmer tùy theo mức độ ở từng trình độ. Chương trình định hướng sự kết hợp dạy Tiếng Khmer với dạy văn hóa và văn học Khmer như sau: Ngoài các ngữ liệu tự biên soạn ở giai đoạn đầu, ngữ liệu để dạy tiếng, cụ thể là những bài tập đọc, tập viết, chính tả, tập phân tích ngữ pháp,... còn được lựa chọn từ các tác phẩm văn học. Mỗi bài học có thể là một tác phẩm trọn vẹn, là đoạn trích của tác phẩm hay là bài được biên soạn lại từ một tác phẩm văn học. Ngoài ra cần trích dẫn cả những bài giới thiệu có tính chất văn học về văn hóa Khmer.

Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học được vận dụng một cách linh hoạt trong mỗi bài học, mỗi tiết dạy nhằm khơi dậy hứng thú học tập cho HS, mang lại hiệu quả thiết thực. Tránh khuynh hướng tuyệt đối hóa một vài phương pháp hay một vài hình thức tổ chức dạy học. Việc đổi mới phương pháp gắn liền với việc đổi mới phương tiện, thiết bị dạy học các phương tiện và thiết bị từng bước được hoàn thiện và hiện đại hóa theo tiến trình đổi mới giáo dục phổ thông.

2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.

a) Phương pháp hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu. Thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy nghe, nói, đọc, viết các kiểu loại văn bản đa dạng, môn tiếng Khmer trực tiếp hình thành và phát triển cho HS các phẩm chất chủ yếu với những biểu hiện chính như sau:

- Biết yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước; yêu quý và tự hào về truyền thống gia đình, cộng đồng, quê hương đất nước; kính trọng và biết ơn người lao động, người có công với quê hương; biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, các di tích lịch sử.

- Biết quan tâm đến người thân, tôn trọng thầy cô, bạn bè; biết nhường nhịn, vị tha; biết cảm thông chia sẻ với những người xung quanh; biết tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh, văn hóa.

- Biết giữ lời hứa, dám chịu trách nhiệm về lời nói, hành động và hậu quả do công việc mình làm, tôn trọng quy định chung nơi công cộng, biết giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Sống thật thà ngay thẳng, yêu lẽ phải, thẳng thắn thể hiện suy nghĩ và tình cảm của mình.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung.

Môn Tiếng Khmer góp phần cùng các môn học khác hình thành và phát triển ở học sinh các năng lực chung sau đây:

- Năng lực tự chủ và tự học: Thông qua nghe, nói, đọc, viết các kiểu loại văn bản đa dạng, môn Tiếng Khmer mang lại cho HS những trải nghiệm phong phú, nhờ đó HS phát triển được vốn sống, có khả năng nhận biết cảm xúc, tình cảm, sở thích, cá tính và khả năng của bản thân; biết tự làm chủ để có hành vi phù hợp, có sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Môn tiếng Khmer là môn học tiếng mẹ đẻ, vì thế nó đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh. Việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp giúp các em biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp để thảo luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và cuộc sống .

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực giải quyết vấn đề trong môn tiếng Khmer được thể hiện ở khả năng đánh giá nội dung của văn bản, biết làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau, biết nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng, biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau. Qua việc học đọc, học viết về văn học Khmer, học sinh có được khả năng đề xuất ý tưởng, tạo ra sản phẩm mới, không suy nghĩ theo lối mòn, biết giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

3. Định hướng về phương pháp hình thành và phát triển các năng lực đặc thù

3.1. Phương pháp dạy nghe và nói

Mục đích của dạy nghe và nói là nhằm giúp HS có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng thông điệp từ phía người nói; biết tôn trọng người đối thoại, có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận.

Trong dạy nghe, giáo viên hướng dẫn học sinh cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý tưởng của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt, cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kĩ năng nghe nói tương tác, giáo viên hướng dẫn học sinh biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày.

Việc dạy thực hành nghe nói là hoạt động chính nhằm rèn luyện kỹ năng nghe nói cho học sinh. Hoạt động thực hành dù ở mức sơ giản như nói cặp đôi, nói trong nhóm hay mức phức tạp hơn như nói trước lớp, trước đông người cũng cần được tiến hành trong những tình huống giao tiếp thực có ở trường học, ở gia đình, ở địa phương nhằm làm cho học sinh biết chủ động trong khi nghe và chủ động trong diễn đạt ý nghĩ, tình cảm của bản thân.

Trong dạy nói, giáo viên hướng dẫn cho HS quan sát, phân tích mẫu đồng thời hướng dẫn cách làm và tổ chức cho HS thực hành; hướng dẫn học sinh cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; hướng dẫn cho học sinh cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

3.2. Phương pháp dạy đọc

Mục đích của dạy đọc trong chương trình tiếng Khmer là giúp học sinh biết đọc và tự đọc được văn bản bằng tiếng Khmer, thông qua đó bồi dưỡng giáo dục phẩm chất, nhân cách cho học sinh. Đối tượng đọc gồm có văn bản thông thường, văn bản văn học và văn bản nghị luận. Mỗi loại văn bản có đặc điểm riêng vì thế cần có cách dạy đọc đúng (đọc thành tiếng) và cách dạy đọc hiểu văn bản cho phù hợp.

a) Dạy đọc đúng: Nhiệm vụ chủ yếu ở cấp độ A1 yêu cầu về đọc gồm yêu cầu về kỹ thuật đọc và kỹ năng đọc hiểu. Có nghĩa là yêu cầu học sinh đọc thành tiếng, đọc đúng với tốc độ phù hợp và đọc hiểu nội dung cơ bản của văn bản đơn giản. Những bài học ở giai đoạn này là những bài thực hành về kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Việc dạy đọc và dạy viết có một vị trí đặc biệt ở giai đoạn đầu. Học sinh nhờ vào đọc và viết mà bước đầu làm chủ ngôn ngữ dạng viết. Năng lực về đọc và viết hình thành lại giúp cho việc nghe và nói của học sinh tốt hơn. Yêu cầu của giai đoạn này là đọc thông thạo và hiểu đúng nội dung cơ bản của một văn bản ngắn.

b) Dạy đọc hiểu văn bản thông thường: Nhiệm vụ chủ yếu ở cấp độ A2 yêu cầu học sinh đọc trực tiếp toàn bộ văn bản, chú ý quan sát các yếu tố hình thức như cách ngắt khổ thơ hoặc cách xuống dòng cuối các đoạn văn, từ đó tóm lược được nội dung chính của văn bản; tổ chức cho HS tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa của các thông tin, quan điểm, thái độ, tư tưởng, tình cảm,... được gửi gắm trong văn bản; hướng dẫn học sinh liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử văn hóa xã hội địa phương để hiểu sâu hơn giá trị văn bản.

c) Dạy đọc hiểu văn bản văn học: Nhiệm vụ chủ yếu ở cấp độ B là dạy đọc hiểu văn bản văn học. Ngoài việc tuân thủ cách đọc hiểu văn bản nói chung, văn bản văn học có những đặc điểm riêng, vì thế giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu, giải mã văn bản văn học theo một quy trình phù hợp với đặc trưng của văn bản nghệ thuật. Học sinh cần được hướng

dẫn, luyện tập đọc tác phẩm văn học đến khám phá hình tượng nghệ thuật và tìm kiếm, đúc kết nội dung, ý nghĩa của văn bản. Phương pháp dạy học cần tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo của học sinh; khích lệ học sinh phát huy vai trò đồng sáng tạo trong tiếp nhận tác phẩm, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm những giá trị đạo đức, văn hóa của tác phẩm. Tùy thuộc đối tượng học sinh ở từng cấp độ và thể loại văn bản văn học mà vận dụng các phương pháp, kỹ thuật và hình thức tổ chức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc thành tiếng, đọc đúng, đọc diễn cảm, đọc phân vai, kể chuyện.

3.3. Phương pháp dạy viết

a) Đối với cấp độ A1, dạy viết có hai yêu cầu: Dạy kỹ thuật viết (tập viết phụ âm, nguyên âm, dấu âm, chữ kiêu và chính tả) và dạy viết câu, viết đoạn văn ngắn và một số văn bản thông thường. Dạy kỹ thuật viết chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết đoạn văn, văn bản thông thường có thể sử dụng phương pháp rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm.

b) Đối với cấp độ A2, dạy viết tập trung vào viết văn bản kể chuyện, miêu tả và thuyết minh theo đúng quy trình mở bài, thân bài và kết luận. Dạy viết các văn bản có thể linh hoạt sử dụng các phương pháp rèn luyện theo mẫu, xây dựng dàn bài, đặt và trả lời câu hỏi, viết sáng tạo.

c) Đối với cấp độ B, dạy viết tập trung vào viết văn bản thuyết minh gắn với đời sống và định hướng nghề nghiệp. Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn như thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn, thảo luận, phân tích về tiêu chí đánh giá bài viết; biết tự sửa bài, trao đổi trong nhóm để hoàn thiện bài và rút kinh nghiệm. Ở cấp độ này cần sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở... để hướng dẫn học sinh hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai diễn đạt; tổ chức cho học sinh thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, thân bài và kết bài hay một số đoạn trong bài.

VIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu và căn cứ đánh giá

- Đánh giá kết quả học tập môn tiếng Khmer của học sinh nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh trong quá trình học tập để điều chỉnh hướng dẫn hoạt động học tập của học sinh, hoạt động dạy học của giáo viên.

- Đánh giá kết quả học tập môn tiếng Khmer cũng là giải pháp quan trọng để động viên, khuyến khích học sinh chăm chỉ học tập, biết cách học có hiệu quả và tự tin vào sự thành công trong học tập.

- Căn cứ đánh giá kết quả học tập môn tiếng Khmer là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung, yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học đối với học sinh trong từng giai đoạn, cấp độ học tập theo quy định trong chương trình.

2. Nội dung đánh giá

Giáo viên đánh phẩm chất, năng lực chung, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và sự tiến bộ của học sinh thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết.

- Đánh giá hoạt động nghe nói: Đối với kĩ năng nghe, tập trung vào yêu cầu nắm bắt thông tin do người khác nói, nhận biết được cảm xúc của người nói, biết cách phản hồi những gì đã nghe. Đối với hoạt động nói, tập trung vào yêu cầu biết nói to, rõ ràng thành câu, nói đúng chủ đề, tự tin và năng động; biết chú ý đến người nghe, biết tranh luận và thuyết phục.

- Đánh giá hoạt động đọc: ở cấp độ A1 tập trung vào yêu cầu đọc đúng với tốc độ phù hợp, đọc hiểu nội dung đơn giản của văn bản ngắn. Ở cấp độ A2 tập trung vào yêu cầu đọc hiểu chủ đề của văn bản, hiểu quan điểm và ý đồ của tác giả; xác định được các đặc điểm thuộc phương thức thể hiện, kiểu loại văn bản. Ở cấp độ B, bước đầu biết phân tích, đánh giá nội dung, đặc điểm của văn bản, biết so sánh và liên hệ với thực tế cuộc sống.

- Đánh giá hoạt động viết: ở cấp độ A1 tập trung vào yêu cầu viết đúng chính tả từ ngữ, viết đúng câu, đoạn văn ngắn. Ở cấp độ A2 tập trung vào yêu cầu viết được bài văn tự sự, miêu tả, kể lại những câu chuyện đã đọc, những điều đã chứng kiến, tham gia về nội dung tả cảnh sinh hoạt, thiên nhiên và hoạt động của con người. Ở cấp độ B tập trung vào yêu cầu viết được kiểu văn bản thuyết minh, nhật dụng gắn với đời sống sinh hoạt và định hướng nghề nghiệp.

3. Cách thức đánh giá

Kết quả học tập môn tiếng Khmer của học sinh được đánh giá bằng hai cách: Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

- Đánh giá thường xuyên được tiến hành liên tục trong suốt quá trình dạy học, trong từng bài học, từng chương, phần do giáo viên tổ chức. Có ba hình thức đánh giá: Giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá lẫn nhau và học sinh tự

đánh giá. Đánh giá thường xuyên không nhất thiết chỉ có bài kiểm tra ngắn mà giáo viên có thể dựa trên quan sát, lắng nghe và ghi chép việc học tập hàng ngày của học sinh.

- Đánh giá định kì được tiến hành vào giữa học kì, cuối học kì và cuối năm học do nhà trường tổ chức để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học. Đánh giá định kì thường thông qua các đề thi, kiểm tra. Đề thi và kiểm tra có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan và hình thức tự luận. Trong việc đánh giá kết quả học tập sau mỗi cấp độ cần đổi mới cách thức đánh giá từ cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, tỷ lệ câu hỏi khó dễ. Việc sử dụng và khai thác ngữ liệu cần phong phú, đa dạng, không dùng lại văn bản ngữ liệu đã học, đã có trong sách giáo khoa để đánh giá được chính xác năng lực học tập của học sinh và khắc phục được tình trạng học vẹt. Tôn trọng, khuyến khích những ý tưởng, suy nghĩ mới lạ, sáng tạo của học sinh, không đánh giá rập khuôn, máy móc theo mẫu có sẵn.

IX. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ: Thuật ngữ về tiếng thống nhất với chương trình môn Ngữ văn. Khi viết sách giáo khoa tiếng Khmer, mỗi cuốn sách cần có thêm một bảng đối chiếu thuật ngữ, tên gọi bằng tiếng Khmer.

2. Phân bố thời lượng dạy học:

Thời lượng thực hiện chương trình (theo số tiết học)

CẤP ĐỘ A									CẤP ĐỘ B
TRÌNH ĐỘ A1					TRÌNH ĐỘ A2				
Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Mức độ 5	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	
70	70	70	70	70	105	105	105	105	315

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục do tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp và thực tế dạy học ở địa phương. Tuy nhiên cần đảm bảo sự hợp lí giữa các thành phần sau:

- Giữa trang bị kiến thức và rèn luyện kĩ năng (trọng tâm là rèn luyện kĩ năng thực hành, vận dụng).

- Giữa các kiểu loại văn bản nghe, nói, đọc và viết (dành thời lượng nhiều hơn cho đọc văn bản văn học).
- Giữa các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết (dành thời lượng nhiều hơn cho việc rèn luyện kỹ năng đọc), cụ thể thời lượng dành cho các kỹ năng ở từng lớp như sau:

Cấp độ	Trình độ	Nhóm mức độ	Nghe và nói	Đọc	Viết
A	A1	Mức độ 1, 2	Khoảng 10%	Khoảng 65%	Khoảng 25%
		Mức độ 3, 4, 5	Khoảng 15%	Khoảng 55%	Khoảng 30%
	A2		Khoảng 20%	Khoảng 50%	Khoảng 30%
B			Khoảng 20%	Khoảng 45%	Khoảng 35%

4. Thiết bị dạy học tối thiểu

Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dành cho tiếng dân tộc thiểu số do Bộ GD&ĐT ban hành.

5. Yêu cầu lựa chọn ngữ liệu

Ngoài việc đảm bảo các tiêu chí đã nêu ở mục V, ngữ liệu dạy học trong môn Tiếng Khmer cần đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa văn bản văn học dân gian, văn bản viết, văn bản nhật dụng. Trong văn bản văn học dân gian đảm bảo sự cân đối giữa các thể loại cơ bản (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, Dặc-ròm, Dù-kê...). Trong văn bản viết đảm bảo sự cân đối giữa thơ và văn xuôi.

b) Bảo đảm sự phù hợp của văn bản với yêu cầu phát triển và thời lượng học tập của chương trình. Độ khó của các văn bản được tăng dần qua từng trình độ. Thời gian dạy học của một văn bản phải tương thích với độ dài và độ khó của nó để đảm bảo giáo viên có thể giúp học sinh tiếp cận đầy đủ và sâu sắc văn bản, cho học sinh có cơ hội đọc trực tiếp và trón vẹn những tác phẩm được chọn lọc.

X. DANH MỤC VĂN BẢN (NGŨ LIỆU) GỢI Ý LỰA CHỌN Ở CÁC LỚP

1. Văn học dân gian

- Các câu truyện kể truyền miệng...;
- Các truyện kể dân gian Khmer...;

2. Văn học viết

- Truyện Tum Tieo...;
- Truyện Tha-nanh-chây...;

3. Thơ

- Thơ nói về kinh nghiệm sống;
- Thơ nói về tục luật trai, gái...;
- Thơ nói về cách nói nắn lẽ phép...;
- Thơ ca...

4. Văn bản thông tin (nhật dụng)

- Văn bản giới thiệu về các lễ hội gắn với Phật giáo như: Lễ Chôl-chnăm-thmây, lễ Sen-đôn-ta, lễ Ok-om-bok, lễ đua Ghe Ngo... của đồng bào Khmer Nam Bộ;
- Văn bản giới thiệu về các lễ hội truyền thống như: Lễ cầu an, lễ cưới, lễ đua bò..., của đồng bào Khmer;
- Văn bản giới thiệu về ẩm thực của người Khmer như: Bún nước lèo, bánh xèo, canh Sim-lo, Om-bok (côm dẹp)...;

- Văn bản nói về đặc sản như: Om-bok (cốm dẹp), Dừa sáp, thốt nốt (nước, trái...), bánh tét, bánh xèo, bánh tai yến, tôm khô nước lợ, mắm Pro-hoc...;

- Văn bản nói về các nghề truyền thống như: Nghề dệt chiếu, nghề dệt vải, nghề đan lát, đan tre, tác phẩm điêu khắc bằng gỗ, bằng đá...và cuộc sống lao động sản xuất; nơi sinh hoạt văn hóa như: chùa chiền, miếu Ông Tà, Phum-sroc... của đồng bào Khmer Nam bộ.

- Văn bản giới thiệu danh lam thắng cảnh như: Ao Bà Om, bờ lũy Ao Trai, chùa Cò, chùa Dơi, chùa Hang,...danh nhân văn hóa, nghệ nhân, nhà văn, nhà giáo tiêu biểu... của dân tộc Khmer.

XI. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình này được áp dụng cho các trường học vùng dân tộc Khmer có nhu cầu và đủ điều kiện thực hiện chương trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình cần có đủ cơ sở vật chất trường lớp, sách giáo khoa, sách giáo viên, thiết bị dạy học môn Tiếng Khmer theo quy định; có giáo viên Tiếng Khmer đạt chuẩn trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định; cán bộ quản lý và giáo viên dạy tiếng Khmer được tham gia các khóa bồi dưỡng về chương trình, sách giáo khoa và phương pháp dạy học Tiếng Khmer.

3. Học sinh hoàn thành chương trình Tiếng Khmer sau mỗi cấp độ có kết quả kiểm tra cuối cùng đạt điểm 5 trở lên được cấp chứng chỉ Tiếng dân tộc theo cấp độ.